

Hà Nội, ngày 18 tháng 10 năm 2013

NGHỊ QUYẾT

Thành lập Đoàn giám sát “Việc thực hiện tái cơ cấu nền kinh tế trong lĩnh vực đầu tư công, doanh nghiệp nhà nước và hệ thống ngân hàng theo Nghị quyết số 10/2011/QH13 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015”

UỶ BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 51/2001/QH10;

Căn cứ Luật hoạt động giám sát của Quốc hội;

Căn cứ Nghị quyết số 47/2013/QH13 về Chương trình hoạt động giám sát của Quốc hội năm 2014;

Căn cứ Kế hoạch số 483/KH-UBTVQH13 về triển khai thực hiện chương trình hoạt động giám sát của Quốc hội và Ủy ban thường vụ Quốc hội năm 2014,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1.

1. Thành lập Đoàn giám sát của Ủy ban thường vụ Quốc hội về “Việc thực hiện tái cơ cấu nền kinh tế trong lĩnh vực đầu tư công, doanh nghiệp nhà nước và hệ thống ngân hàng theo Nghị quyết số 10/2011/QH13 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015” (có danh sách kèm theo).

2. Đoàn giám sát có thể mời đại diện một số cơ quan trung ương, địa phương tham gia các hoạt động của Đoàn; mời một số chuyên gia của các cơ quan hữu quan để giúp Đoàn trong công tác giám sát.

Điều 2.

Nội dung, kế hoạch giám sát cụ thể được ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 3.

Đoàn giám sát có trách nhiệm thực hiện kế hoạch giám sát; báo cáo kết quả giám sát với Ủy ban thường vụ Quốc hội tại phiên họp tháng 9/2014 và giúp Ủy ban thường vụ Quốc hội chuẩn bị báo cáo kết quả giám sát để trình Quốc hội tiến hành giám sát tối cao tại kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XIII.

Điều 4.

Căn cứ vào kế hoạch giám sát chung, Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, tổ chức giám sát sâu một số vấn đề bức xúc nhất thuộc lĩnh vực hoạt động của Hội đồng dân tộc và các Ủy ban; các Đoàn đại biểu Quốc hội tổ chức giám sát tại địa phương, thông báo kết quả bằng văn bản cho Đoàn giám sát để tổng hợp, báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Điều 5.

Thường trực Ủy ban kinh tế của Quốc hội chủ trì giúp Đoàn giám sát triển khai nội dung kế hoạch giám sát.

Văn phòng Quốc hội tổ chức phục vụ các hoạt động của Đoàn giám sát.

Điều 6.

Đoàn giám sát, Ủy ban kinh tế, Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội, Văn phòng Quốc hội và các Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức, địa phương liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Thành viên UBTVQH;
- Thường trực Chính phủ;
- TT HĐDT và các UB của QH;
- VPTW, VPCTN, VPQH, VPCP;
- Ủy ban Trung ương MTTQVN;
- Ủy ban Kiểm tra Trung ương;
- Ban Kinh tế Trung ương;
- Thanh tra Chính phủ;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Thành viên Đoàn giám sát;
- Các Đoàn ĐBQH; Thường trực HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Lưu: HC, TH(10), KT(10).
- Số e-PAS: 79320

**TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Sinh Hùng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

SAO Y BẢN CHÍNH

Số: 1683/ SY-UBND

Bình Định, ngày 01 tháng 11 năm 2013

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Tài chính;
- CVP, K1, K12;
- Lưu: VT (09b)

**TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ VĂN PHÒNG**



Nguyễn Thái Bình

DANH SÁCH ĐOÀN GIÁM SÁT CỦA ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
Về “Việc thực hiện tái cơ cấu nền kinh tế trong lĩnh vực đầu tư công, doanh nghiệp nhà nước và hệ thống ngân hàng theo Nghị quyết số 10/2011/QH13 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015”

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 688/NQ-UBTVQH13
ngày 18 tháng 10 năm 2013 của Ủy ban thường vụ Quốc hội)*

I. THÀNH VIÊN ĐOÀN GIÁM SÁT

1. Đồng chí Nguyễn Văn Giàu, Ủy viên Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ nhiệm Ủy ban kinh tế, Trưởng đoàn;
2. Đồng chí Nguyễn Đức Kiên, Phó Chủ nhiệm Ủy ban kinh tế, Phó Trưởng đoàn Thường trực;
3. Đồng chí Nguyễn Văn Phúc, Phó Chủ nhiệm Ủy ban kinh tế, Phó Trưởng đoàn;
4. Đồng chí Mai Xuân Hùng, Phó Chủ nhiệm Ủy ban kinh tế, Phó Trưởng đoàn;
5. Đồng chí Trần Văn, Phó Chủ nhiệm Ủy ban tài chính, ngân sách, Phó Trưởng đoàn;
6. Đồng chí Lê Bộ Lĩnh, Phó Chủ nhiệm Ủy ban khoa học, công nghệ và môi trường, thành viên;
7. Đồng chí Nguyễn Mạnh Tiến, Phó Chủ nhiệm Ủy ban đối ngoại, thành viên;
8. Đồng chí Nguyễn Hữu Đức, Ủy viên Thường trực Ủy ban kinh tế, thành viên;
9. Đồng chí Cao Thị Xuân, Ủy viên Thường trực Hội đồng dân tộc, thành viên;
10. Đồng chí Ngô Văn Minh, Ủy viên Thường trực Ủy ban pháp luật, thành viên;
11. Đồng chí Nguyễn Thanh Hồng, Ủy viên Thường trực Ủy ban quốc phòng và an ninh, thành viên;
12. Đồng chí Phạm Tất Thắng, Ủy viên Thường trực Ủy ban văn hóa, giáo dục, thanh niên, thiếu niên và nhi đồng, thành viên;
13. Đồng chí Nguyễn Thị Kim Thúy, Ủy viên Chuyên trách Ủy ban về các vấn đề xã hội, thành viên;
14. Đồng chí Phạm Xuân Dương, Ủy viên Ủy ban kinh tế, thành viên;
15. Đồng chí Cao Sỹ Kiêm, Ủy viên Ủy ban kinh tế, thành viên;
16. Đồng chí Trần Du Lịch, Ủy viên Ủy ban kinh tế, thành viên;
17. Đồng chí Vũ Viết Ngoạn, Ủy viên Ủy ban kinh tế, thành viên;

18. Đồng chí Phạm Huy Hùng, Ủy viên Ủy ban kinh tế, thành viên;
19. Đồng chí Trần Xuân Hòa, Ủy viên Ủy ban kinh tế, thành viên;
20. Đồng chí Trần Hoàng Ngân, Ủy viên Ủy ban kinh tế, thành viên;
21. Đồng chí Bùi Văn Phương, Ủy viên Ủy ban kinh tế, thành viên;
22. Đồng chí Thân Đức Nam, Ủy viên Ủy ban kinh tế, thành viên;
23. Đồng chí Nguyễn Anh Dũng, Ủy viên Ủy ban kinh tế, thành viên.

II. ĐẠI BIỂU MỜI THAM GIA CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA ĐOÀN GIÁM SÁT

1. Đại diện Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
2. Đại diện Văn phòng Trung ương Đảng;
3. Đại diện Văn phòng Chủ tịch nước;
4. Đại diện Văn phòng Chính phủ;
5. Đại diện Ban Kinh tế Trung ương;
6. Đại diện Bộ Tài chính;
7. Đại diện Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
8. Đại diện Bộ Lao động, thương binh và xã hội;
9. Đại diện Bộ Giao thông vận tải;
10. Đại diện Bộ Xây dựng;
11. Đại diện Bộ Công thương;
12. Đại diện Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
13. Đại diện Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
14. Đại diện Kiểm toán Nhà nước;
15. Đại diện Thanh tra Chính phủ;
16. Đại diện Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia;
17. Đại diện Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam;
18. Một số chuyên gia là cộng tác viên của Ủy ban kinh tế.

ĐỀ CƯƠNG GIÁM SÁT

“Việc thực hiện tái cơ cấu nền kinh tế trong lĩnh vực đầu tư công, doanh nghiệp nhà nước và hệ thống ngân hàng theo Nghị quyết số 10/2011/QH13 của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015”

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 688/NQ-UBTVQH13
ngày 18 tháng 10 năm 2013 của Ủy ban thường vụ Quốc hội)*

PHẦN I

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN TÁI CƠ CẤU ĐẦU TƯ CÔNG, DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC VÀ HỆ THỐNG NGÂN HÀNG

I. Kết quả đạt được

1. Tình hình ban hành chính sách, pháp luật về đầu tư công, doanh nghiệp nhà nước và hệ thống ngân hàng (trong khoảng thời gian từ năm 2011 – 6/2014)

- Đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng.
- Nghị quyết của Quốc hội.
- Các luật, pháp lệnh (Luật đầu tư, Luật ngân sách nhà nước, Luật đấu thầu, Luật doanh nghiệp, Luật Ngân hàng Nhà nước, Luật các tổ chức tín dụng, Luật xây dựng, Luật đất đai,...).
- Các Nghị định của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư, Thông tư liên tịch.
- Các văn bản của các cấp chính quyền địa phương.

2. Đánh giá tổng quan về nội dung chính sách, pháp luật về:

a) Tái cơ cấu đầu tư công trong đó tập trung vào các vấn đề sau:

- Việc huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển, bảo đảm tổng đầu tư xã hội, duy trì các cân đối lớn của nền kinh tế. Tỷ trọng đầu tư nhà nước, tổng đầu tư xã hội, khuyến khích đầu tư tư nhân...
- Về chủ trương đầu tư, quy hoạch, kế hoạch, chuẩn bị đầu tư, xây dựng dự án, phân bổ vốn đầu tư, quản lý đầu tư, phân cấp trong đầu tư, công tác giám sát, đánh giá, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán và trách nhiệm của đơn vị, cá nhân tham gia thực hiện quản lý đầu tư công,...

b. Tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước tập trung vào các nội dung sau:

- Cơ chế, chính sách về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước, cổ phần hóa, đa dạng hóa sở hữu các doanh nghiệp nhà nước, phân loại, sắp xếp cổ phần

hóa doanh nghiệp nhà nước không can chi phối.

- Trách nhiệm về quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với doanh nghiệp nhà nước; cơ chế đánh giá và giám sát hiệu quả hoạt động của các tập đoàn, tổng công ty nhà nước, các doanh nghiệp có vốn đầu tư của nhà nước.

- Tái cơ cấu danh mục đầu tư và ngành nghề kinh doanh, thực hiện thoái vốn nhà nước đã đầu tư vào các ngành không phải kinh doanh chính hoặc không trực tiếp liên quan đến ngành kinh doanh chính theo nguyên tắc thị trường.

- Việc áp dụng khung quản trị doanh nghiệp hiện đại của kinh tế thị trường.

c. Tái cơ cấu hệ thống ngân hàng tập trung vào các nội dung sau:

- Cơ chế, chính sách cơ cấu lại các ngân hàng thương mại yếu kém, xử lý nợ xấu của hệ thống tín dụng.

- Xử lý tình trạng sở hữu chéo và tăng tính minh bạch trong hoạt động của các ngân hàng thương mại.

- Việc cơ cấu lại hệ thống các ngân hàng thương mại theo hướng đa năng, hiện đại, hoạt động an toàn, hiệu quả. Cơ chế, chính sách hình thành ngân hàng thương mại đạt trình độ khu vực về quy mô, quản trị, công nghệ và năng lực cạnh tranh.

II. Hạn chế, vướng mắc

Đánh giá những hạn chế, phân tích nguyên nhân những hạn chế của hệ thống văn bản pháp luật và tập trung vào những nội dung chính sau:

- *Tính kịp thời:* đã kịp thời ban hành, sửa đổi, bổ sung mới các văn bản pháp luật để thực hiện tái cơ cấu đầu tư công, doanh nghiệp nhà nước và hệ thống ngân hàng theo yêu cầu hay chưa (bao gồm luật, pháp lệnh, các văn bản hướng dẫn).

- *Tính phù hợp và thống nhất:* những nội dung văn bản pháp luật hợp lý và không hợp lý, còn mâu thuẫn, không thống nhất, vướng mắc, không phù hợp với thực tiễn trong và ngoài lĩnh vực ngân hàng.

- *Tính đầy đủ, đồng bộ:* trong hệ thống văn bản pháp luật còn những vấn đề gì cần quy định mà chưa quy định, hoặc quy định mà không sát, không phù hợp.

- *Tính hiệu lực:* trong các văn bản pháp luật đã quy định rõ chưa về trách nhiệm và xử lý trách nhiệm tập thể/cá nhân, về chế tài xử lý sau kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, khắc phục hậu quả.

PHẦN II

KẾT QUẢ THỰC HIỆN TÁI CƠ CẤU ĐẦU TƯ CÔNG, DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC VÀ HỆ THỐNG NGÂN HÀNG TRONG GIAI ĐOẠN 2011-2014

I. Kết quả đạt được

1. Việc thực hiện tái cơ cấu đầu tư công

- Việc huy động, phân bổ, thực hiện vốn đầu tư công (có so sánh với các nguồn vốn khác; so sánh giữa các ngành, lĩnh vực) và đánh giá hiệu quả sử dụng vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước và trái phiếu Chính phủ;

+ Tổng hợp số liệu các dự án công trình đầu tư công hiện đang trong quá trình thực hiện (có tác động lớn đến kinh tế vĩ mô, tăng trưởng, thu ngân sách, việc làm...):

Số các dự án đầu tư công thực hiện từ nguồn ngân sách Trung ương;

Số liệu các dự án đầu tư công thực hiện từ nguồn ngân sách địa phương;

Số liệu các dự án đầu tư công thực hiện từ nguồn vốn của các tập đoàn kinh tế/tổng công ty nhà nước;

- Đánh giá tác động của việc cắt giảm, hoãn, dẫn tiến độ các dự án đầu tư công thông qua việc phân tích:

+ Ảnh hưởng tích cực và tiêu cực của việc cắt giảm, hoãn, dẫn tiến độ các dự án đầu tư công đến tốc độ tăng trưởng tín dụng;

+ Ảnh hưởng tích cực và tiêu cực của việc cắt giảm, hoãn, dẫn tiến độ các dự án đầu tư công đến số lượng hàng tồn kho do công trình dở dang không thanh khoản được;

+ Ảnh hưởng của việc cắt giảm, hoãn, dẫn tiến độ các dự án đầu tư công đến việc gia tăng nợ xấu;

+ Ảnh hưởng của việc cắt giảm, hoãn, dẫn tiến độ các dự án đầu tư công đến việc gia tăng khó khăn của các doanh nghiệp;

- Tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản của từng bộ, ngành, địa phương, tập đoàn, tổng công ty nhà nước.

- Việc thông qua chủ trương và quyết định đầu tư công (tuân thủ các quy định của pháp luật, quy hoạch, kế hoạch,...).

- Sự phân bổ nguồn lực giữa các ngành, vùng nhằm phát huy tiềm năng lợi thế tạo động lực lan tỏa.

- Tập trung phát triển một số khu kinh tế động lực về dài hạn.

- Thực hiện cải cách hành chính liên quan đến lĩnh vực đầu tư.

2. Việc thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, tập trung vào các tập đoàn, tổng công ty nhà nước

Đánh giá kết quả hoạt động của các tập đoàn, tổng công ty nhà nước trong giai đoạn từ 2011-2013 (cập nhật kết quả sản xuất, kinh doanh quý I-2014 nếu có), có so sánh với giai đoạn 2005-2010. Cần phân tích việc tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước trong bối cảnh tác động đến kinh tế vĩ mô, tăng trưởng, ngân sách nhà nước, tạo việc làm, việc tăng giảm quy mô doanh nghiệp, tăng lợi nhuận, nộp ngân sách nhà nước, tăng thu nhập cho người lao động, phát triển nguồn nhân lực, nhất là lực lượng lao động có tay nghề cao, đầu tư khoa học công nghệ trong quá trình sản xuất, đánh giá định hướng phát triển sau tái cơ cấu và yếu tố bền vững. Việc phân tích dựa trên một số phân tích cụ thể như sau:

2.1. Đánh giá thực trạng tình hình vốn, tài sản

Trong đó đánh giá:

- Tình hình giao vốn nhà nước đầu tư cho tập đoàn/tổng công ty nhà nước;
- Quy mô, cơ cấu vốn chủ sở hữu và nguồn vốn;
- Năng lực tài chính, bao gồm cả khả năng thanh toán nợ, hệ số an toàn vốn, bảo toàn và phát triển vốn...
- Tình hình huy động nguồn vốn phục vụ sản xuất - kinh doanh.

2.2. Đánh giá tình hình quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước tại các doanh nghiệp nhà nước

- Sử dụng vốn, tài sản nhà nước để thực hiện chiến lược, kế hoạch sản xuất - kinh doanh, thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ được giao.

- Đánh giá tính hiệu quả hoạt động của tập đoàn, tổng công ty nhà nước thông qua việc sử dụng vốn, tài sản nhà nước.

- Đánh giá tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước. Tập trung chủ yếu tài sản là bất động sản.

- Đánh giá tình hình đầu tư vốn vào doanh nghiệp khác. Trong đó cần làm rõ tình hình đầu tư vốn vào các lĩnh vực có độ rủi ro cao như tài chính, ngân hàng, bất động sản, chứng khoán...

- Đánh giá việc tái cơ cấu danh mục đầu tư và ngành nghề kinh doanh, thực hiện thoái vốn và khả năng thoái vốn nhà nước đã đầu tư vào các ngành không phải kinh doanh chính hoặc không trực tiếp liên quan đến ngành kinh doanh chính theo nguyên tắc thị trường.

- Đánh giá việc áp dụng khung quản trị doanh nghiệp hiện đại của kinh tế thị trường.

- Đánh giá việc thực hiện trách nhiệm về quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với doanh nghiệp nhà nước; cơ chế đánh giá và giám sát hiệu quả hoạt động của các tập đoàn, tổng công ty nhà nước, các doanh nghiệp có vốn đầu tư của nhà nước.

- Đánh giá việc cơ cấu lại ngành nghề trong sản xuất công nghiệp chuyển từ gia công lắp ráp sang chế tạo, ưu tiên các ngành chủ lực và công nghiệp phụ trợ...

3. Thực hiện tái cơ cấu hệ thống ngân hàng

Đánh giá hiệu quả hoạt động và sự lành mạnh của hệ thống các ngân hàng thương mại, đặc biệt là các ngân hàng thương mại đã tiến hành tái cơ cấu, sáp nhập, hợp nhất trong hai năm vừa qua. Cần phân tích việc tái cơ cấu hệ thống ngân hàng trong bối cảnh tác động đến kinh tế vĩ mô, tăng trưởng, ngân sách nhà nước, tạo việc làm. Sau khi tái cơ cấu thì phân tích định hướng phát triển của hệ thống ngân hàng theo hướng bền vững, phù hợp với thông lệ quốc tế. Một số nội dung phân tích cụ thể bao gồm:

3.1. Đánh giá chất lượng tài sản:

3.2. Thanh khoản

3.3. Hiệu quả sinh lời

3.4. Tỷ lệ an toàn vốn

3.5. Đánh giá thực trạng tình hình đầu tư, kinh doanh trong một số lĩnh vực khác ngoài hoạt động ngân hàng (chứng khoán, quỹ đầu tư, bất động sản, kinh doanh vàng) của các ngân hàng thương mại

- Các hình thức đầu tư (thành lập công ty con, công ty liên kết, góp vốn, mua cổ phần, chuyển nợ thành vốn góp, đầu tư chéo...);

- Quy mô, cơ cấu nguồn vốn đầu tư;

- Cơ chế quản lý đối với việc đầu tư, kinh doanh trong một số lĩnh vực khác ngoài hoạt động ngân hàng của các ngân hàng thương mại (cơ chế quản trị điều hành, cơ chế quản lý tài chính, cơ chế quản lý phần vốn góp...)

- Tình hình tài chính, hiệu quả đầu tư vào các lĩnh vực trên (bao gồm đánh giá những tồn tại, rủi ro, thiếu hiệu quả)

- Tình hình thoái vốn đầu tư ra khỏi các lĩnh vực trên (nếu có)

3.6. Đánh giá việc xử lý nợ xấu của cả hệ thống ngân hàng, đặc biệt là các ngân hàng thương mại tiến hành cơ cấu lại, sáp nhập, hợp nhất

3.7. Đánh giá việc xử lý tình trạng sở hữu chéo và tăng tính minh bạch trong hoạt động của các ngân hàng thương mại.

3.8. Đánh giá việc cơ cấu lại hệ thống các ngân hàng thương mại theo

hướng đa năng, hiện đại, hoạt động an toàn, hiệu quả, đặc biệt là việc hình thành ngân hàng thương mại đạt trình độ khu vực về quy mô, quản trị, công nghệ và năng lực cạnh tranh.

II. Những hạn chế, yếu kém

1. Về tái cơ cấu đầu tư công
2. Về tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước
3. Về tái cơ cấu hệ thống ngân hàng

III. Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém, trách nhiệm

1. Nguyên nhân khách quan
2. Nguyên nhân chủ quan

PHẦN III

NHỮNG YÊU CẦU, KIẾN NGHỊ

Yêu cầu, kiến nghị với các chủ thể sau:

- Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ, ngành Trung ương;
- Địa phương.

1. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật (kiến nghị cụ thể về chính sách đầu tư công, doanh nghiệp nhà nước, các ngân hàng thương mại; pháp luật về đầu tư, doanh nghiệp, ngân hàng, đấu thầu, ngân sách nhà nước,...)

2. Kiến nghị về tái cơ cấu đầu tư công

3. Kiến nghị về tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước

4. Kiến nghị về tái cơ cấu hệ thống ngân hàng

5. Tăng cường vai trò quyết định, giám sát của Quốc hội, Hội đồng nhân dân, vai trò chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, các Bộ và Ủy ban nhân dân các cấp.

6. Kiến nghị về những vấn đề khác mà các Bộ, ngành Trung ương, địa phương quan tâm./.

KẾ HOẠCH GIÁM SÁT

“Việc thực hiện tái cơ cấu nền kinh tế trong lĩnh vực đầu tư công, doanh nghiệp nhà nước và hệ thống ngân hàng theo Nghị quyết số 10/2011/QH13 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015”

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 688/NQ-UBTVQH13

ngày 18 tháng 10 năm 2013 của Ủy ban thường vụ Quốc hội)

I. MỤC ĐÍCH GIÁM SÁT

Đánh giá tình hình thực hiện tái cơ cấu nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả sức cạnh tranh tập trung vào ba lĩnh vực đầu tư công, doanh nghiệp nhà nước và hệ thống ngân hàng theo Nghị quyết số 10/2011/QH13 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015. Những kết quả đạt được, những hạn chế, khó khăn, vướng mắc; xác định nguyên nhân, trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương; từ đó đưa ra các đề xuất, kiến nghị nhằm hoàn thiện khuôn khổ pháp lý và thực hiện có hiệu quả hơn việc tái cơ cấu nền kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng trong lĩnh vực đầu tư công, doanh nghiệp nhà nước và hệ thống ngân hàng.

II. PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG GIÁM SÁT

1. Về phạm vi giám sát

Giám sát việc thực hiện tái cơ cấu nền kinh tế trong lĩnh vực đầu tư công, doanh nghiệp nhà nước tập trung vào tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước và hệ thống ngân hàng theo Nghị quyết số 10/2011/QH13 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015 từ năm 2011 đến 2014.

2. Về đối tượng giám sát

2.1. Các Bộ, cơ quan Trung ương

Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Công thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Xây dựng, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Văn hóa, Thông tin và Du lịch, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.2. Các địa phương

- Yêu cầu 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo.

- Giám sát thực tế tại các địa phương:

+ Miền Bắc: Hà Nội, Yên Bái, Vĩnh Phúc, Hải Phòng, Quảng Ninh, Thái Bình.

+ Miền Trung: Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Khánh Hòa, Lâm Đồng, Đắk Nông.

+ Miền Nam: Tp. Hồ Chí Minh, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Dương, Long An, An Giang, Cần Thơ, Bạc Liêu, Cà Mau.

2.3. Các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước, các ngân hàng thương mại

- Yêu cầu các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước, các ngân hàng thương mại báo cáo.

- Tiến hành giám sát thực tế tại một số tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước và ngân hàng thương mại mang tính đại diện, phù hợp với yêu cầu giám sát.

Khảo sát thực tế tại một số công ty thành viên, đơn vị sản xuất, kinh doanh thuộc các tập đoàn, tổng công ty nhà nước.

III. NỘI DUNG GIÁM SÁT

1. Việc thực hiện tái cơ cấu đầu tư công trong giai đoạn 2011-2014 trong đó làm rõ kết quả đạt được (bao gồm cả việc ban hành chính sách, văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực đầu tư công, tình hình thực hiện tái cơ cấu), những hạn chế, vướng mắc và nguyên nhân.

2. Việc thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước tập trung vào tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước trong giai đoạn 2011-2014 trong đó làm rõ kết quả đạt được (bao gồm cả việc ban hành chính sách, văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực đầu tư công, tình hình thực hiện tái cơ cấu), những hạn chế, vướng mắc và nguyên nhân.

3. Việc thực hiện tái cơ cấu hệ thống ngân hàng trong giai đoạn 2011-2014 trong đó làm rõ những kết quả đạt được (bao gồm cả việc ban hành chính sách, văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực đầu tư công, tình hình thực hiện tái cơ cấu), những hạn chế, vướng mắc và nguyên nhân.

4. Những đề xuất, kiến nghị về tái cơ cấu đầu tư công, doanh nghiệp nhà nước và hệ thống ngân hàng thương mại.

IV. PHƯƠNG THỨC THỰC HIỆN

4.1. Tổ chức thực hiện giám sát

4.1.1. Đoàn giám sát của Ủy ban thường vụ Quốc hội

- Nghe một số Bộ, ngành Trung ương, tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước, ngân hàng thương mại báo cáo tại trụ sở Văn phòng Quốc hội hoặc tại trụ sở của các bộ, ngành, tập đoàn, tổng công ty, ngân hàng thương mại.

- Nghe báo cáo, tiến hành giám sát trực tiếp tại một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Thành lập các Tổ công tác để tiến hành khảo sát, giám sát sâu một số nội dung cụ thể theo yêu cầu của cuộc giám sát;
- Tổ chức hội nghị tham vấn chuyên gia về nội dung giám sát;
- Dự thảo Báo cáo giám sát, tổ chức Hội nghị đánh giá kết quả giám sát, hoàn chỉnh Báo cáo giám sát;
- Đoàn giám sát trình bày các Báo cáo tại phiên họp tháng 9/2014 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Dự thảo Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội về nội dung giám sát (nếu có).

4.1.2. Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Văn phòng Quốc hội và Đoàn đại biểu Quốc hội

a) Thường trực Ủy ban kinh tế của Quốc hội:

- Là cơ quan chủ trì giúp Đoàn giám sát của Ủy ban thường vụ Quốc hội thực hiện kế hoạch giám sát;
- Tiếp nhận các báo cáo, tổng hợp những ý kiến, kiến nghị của các Bộ, ngành, cơ quan, địa phương và các Tổ công tác, ý kiến của Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội để hoàn chỉnh dự thảo Báo cáo giám sát trình Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Cử các thành viên Ủy ban tham gia các Tổ công tác.

b) Thường trực Hội đồng dân tộc và các Ủy ban khác của Quốc hội:

- Cử thành viên tham gia Đoàn giám sát theo yêu cầu của Ủy ban thường vụ Quốc hội.
- Cử đại diện tham dự các buổi làm việc của Đoàn giám sát và có thể cử thêm thành viên tham gia khảo sát, giám sát thực tế;
- Tham gia ý kiến vào báo cáo của Đoàn giám sát;
- Trên cơ sở kế hoạch chung, tổ chức giám sát sâu hơn, cụ thể hơn về một số lĩnh vực do Hội đồng dân tộc và Ủy ban phụ trách, có ý kiến bằng văn bản gửi Đoàn giám sát để tổng hợp trình Ủy ban thường vụ Quốc hội.

c) Các Đoàn đại biểu Quốc hội tại các địa phương:

- Tổ chức giám sát tại địa phương, có báo cáo gửi Đoàn giám sát để tổng hợp trình Ủy ban thường vụ Quốc hội (trừ các địa phương Đoàn giám sát có tổ chức Đoàn công tác đến làm việc);
- Phối hợp với Đoàn giám sát của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội đến làm việc tại địa phương.

d) Văn phòng Quốc hội:

- Phối hợp với Thường trực Ủy ban kinh tế của Quốc hội giúp Ủy ban thường vụ Quốc hội chỉ đạo các cấp, các ngành thực hiện các yêu cầu của Đoàn giám sát;

- Tổ chức phục vụ theo chức năng các hoạt động của Đoàn giám sát và các Tổ công tác.

4.1.3. Các cơ quan Trung ương và địa phương

a) Chính phủ

- Chỉ đạo các Bộ, ngành và địa phương thuộc đối tượng giám sát thực hiện các yêu cầu của Đoàn giám sát;

- Chuẩn bị các báo cáo có liên quan trình Ủy ban thường vụ Quốc hội.

b) Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Kinh tế Trung ương Đảng, Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam, Văn phòng Chủ tịch nước và một số cơ quan hữu quan: mời tham gia các hoạt động của Đoàn giám sát.

c) Các Bộ, ngành, địa phương

- Chuẩn bị các báo cáo, làm việc với Đoàn giám sát, Tổ công tác và thực hiện các yêu cầu có liên quan đến cuộc giám sát của Đoàn giám sát;

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và đầy đủ của nội dung báo cáo với Đoàn giám sát và Tổ công tác.

4.2. Các bước tiến hành giám sát

4.2.1. Giai đoạn I (trước tháng 12/2013)

- Xây dựng Kế hoạch giám sát việc thực hiện tái cơ cấu nền kinh tế trong lĩnh vực đầu tư công, doanh nghiệp nhà nước và hệ thống ngân hàng theo Nghị quyết số 10/2011/QH13 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015.

- Gửi công văn yêu cầu Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, các cơ quan có liên quan cử thành viên tham gia Đoàn giám sát.

- Chuẩn bị và trình Chủ tịch Quốc hội ký ban hành Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thành lập Đoàn giám sát.

- Xây dựng Đề cương giám sát chi tiết trên cơ sở Nghị quyết và Kế hoạch giám sát của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Đoàn giám sát họp tại Hà Nội thông qua Đề cương giám sát chi tiết.

- Căn cứ vào Đề cương chi tiết của Đoàn giám sát đã được thông qua gửi công văn yêu cầu báo cáo cụ thể gửi đến các Bộ, ngành, địa phương và các đơn vị có liên quan.

4.2.2. Giai đoạn II (từ tháng 1 đến tháng 9 năm 2014, trừ những ngày thuộc kỳ họp thứ 7 của Quốc hội)

- Từ đầu tháng 1 đến nửa đầu tháng 7 năm 2014

+ Đơn đốc các bộ, ngành, địa phương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước và các đơn vị liên quan hoàn tất gửi báo cáo theo nội dung đã được yêu cầu **trước tháng 6 năm 2014**.

+ Tổ biên tập tổng hợp các báo cáo theo Đề cương giám sát được duyệt.

+ Đoàn giám sát họp chung nghe các Bộ, ngành Trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước và các đơn vị liên quan từ nửa cuối tháng 6 đến nửa đầu tháng 7/2014.

- Từ nửa cuối tháng 7 đến hết tháng 8 năm 2014:

+ Đoàn giám sát làm việc với một số địa phương và một số đơn vị liên quan tại 3 miền (có thể chia thành các Tổ công tác đi giám sát).

+ Tổ biên tập tiếp tục tổng hợp báo cáo từ các Bộ, ngành, địa phương, hình thành báo cáo sơ bộ kết quả giám sát.

+ Tổ chức Hội thảo, Tọa đàm lấy ý kiến chuyên gia về nội dung giám sát.

- Tháng 9 năm 2014:

+ Nửa đầu tháng 9/2014: Họp Đoàn giám sát để thảo luận về dự thảo báo cáo giám sát. Tổ biên tập tiếp thu, hoàn thiện báo cáo.

+ Nửa cuối tháng 9/2014: Đoàn giám sát trình bày Dự thảo Báo cáo kết quả giám sát tại phiên họp tháng 9/2014 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

+ Trên cơ sở ý kiến của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Đoàn giám sát tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện Báo cáo kết quả giám sát của Ủy ban thường vụ Quốc hội, gửi xin ý kiến các đồng chí thành viên Ủy ban thường vụ Quốc hội trước khi trình Quốc hội tiến hành giám sát tối cao tại kỳ họp thứ 8.

+ Đoàn giám sát phối hợp với các cơ quan hữu quan chuẩn bị Dự thảo Nghị quyết của Quốc hội liên quan đến nội dung giám sát trình Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ 8 (nếu có).

+ Đoàn giám sát chuẩn bị các nội dung, phụ lục cần giải trình khi Quốc hội xem xét, giám sát tối cao tại kỳ họp.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện chuyên đề giám sát “Việc thực hiện tái cơ cấu nền kinh tế trong lĩnh vực đầu tư công, doanh nghiệp nhà nước và hệ thống ngân hàng theo Nghị quyết số 10/2011/QH13 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015”.

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI